**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN HAI BÀ TRƯNG**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2019/DS-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Nam**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Hoàng Thị Bích Diệp**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng*** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2018/ TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh **N.P.A.D**, sinh năm 19….

Nơi ĐKHK thường trú: Số …..., phố B, phường P, Quận…., thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số …., Đường…., KDC VC, phường T, Quận …., thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **L.P.T**, sinh năm 19…. Địa chỉ: Số …., phố L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018. - *Có mặt.*

*2. Bị đơn:* Ông **P.T.L**, sinh năm 19…

Nơi ĐKHK thường trú: Số …., C…., phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. - *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/4/2018, 25/5/2018, Bản tự khai ngày 02/3/2019, 07/5/2019, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là anh **N.P.A.D** và người đại diện theo ủy quyền là ông **L.P.T** trình bày:

Ngày 08/12/2016, tại Văn phòng công chứng Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, anh N.P.A.D và ông P.T.L ký kết Hợp đồng vay tiền số công chứng 22522, Quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD, với nội dung anh D cho ông L vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), phương thức giao nhận tiền do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay từ ngày 12/12/2016 đến ngày 15/3/2017, lãi suất cho vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện ngay sau khi ký hợp đồng và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên, khi giao nhận tiền hai bên lập biên nhận riêng. Ngày 12/12/2016, ông L nhận đủ số tiền 4.000.000.000 đồng và ký tên xác nhận. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng, nhưng không ghi thành văn bản, không thỏa thuận về lãi suất quá hạn. Ông L đã trả tiền làm 3 đợt được 120.000.000 đồng, tương đương tiền lãi của tháng 1 và tháng 2 năm 2017, sau đó không trả thêm khoản nào nữa. Anh D đã tìm ông L để đòi nợ, nhưng ông L tắt điện thoại, thay đổi nơi ở, nên không gặp được. Ngày 11/6/2017, người nhà của anh D gặp ông L ở Hà Nội, đã yêu cầu ông L trả nợ. Ông L viết giấy xác nhận từ ngày 12/4/2017 anh D không lấy tiền lãi nữa, ông L còn phải trả anh D số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và cam kết đến ngày 26/6/2017 sẽ trả anh D số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán đủ vào 3 tháng tiếp theo chậm nhất là ngày 30/9/2017. Giấy xác nhận ngày 11/6/2017 do ông L tự viết và ký tên, không được sự đồng ý của anh D về việc miễn tiền lãi. Sau đó, ông L không thực hiện cam kết trả nợ và còn làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Nay anh D yêu cầu Tòa án buộc ông L trả số nợ gốc là: 4.000.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/3/2017 đến ngày 14/5/2019 là: 4.000.0000.000 đồng x 10%/năm x 26 tháng = 866.666.000 đồng, tổng cộng là: 4.866.666.000 đồng. Anh D tự nguyện không yêu cầu ông L trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

Tại Bản tự khai ngày 11/5/2019, chị T.T.T.H là vợ anh N.P.A.D trình bày: Năm 2016, chị được biết anh D cho ông P.T.L vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Chị xác nhận số tiền đó thuộc sở hữu riêng của anh D. Chị không

liên quan đến việc anh D khởi kiện ông L, nên chị không tham gia quá trình tố tụng, xét xử và không có bất kỳ khiếu nại gì về số tiền 4.000.000.000 đồng.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đối với bị đơn là ông **P.T.L** để ông L biết những vấn đề cụ thể mà anh N.P.A.D yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông L đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông L không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh D, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ tại Công an phường Quỳnh Mai, Văn phòng công chứng Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và mượn 03 tài liệu có chữ ký, chữ viết của ông L trong hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 369/ 2017/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2017 về việc ly hôn giữa bà N.Đ.T.A.T và ông P.T.L làm tài liệu mẫu so sánh để trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại Kết luận giám định số 94/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 25/4/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: *Các chữ ký, chữ viết dòng họ tên "P.T.L" tại mặt sau tờ thứ nhất Hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2016, tại Bản cam kết trả nợ ngày 11/6/2017, Giấy xác nhận ngày 11/6/2017 và các chữ ký, chữ viết đứng tên P.T.L tại mặt trước tờ thứ nhất Hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2016, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/6/2017 là chữ do cùng một người ký, viết ra*. Do ông L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà anh D đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tiếp theo, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa. Đồng thời, theo yêu cầu của anh D, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của anh D và thời gian, địa điểm mở phiên tòa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số nợ gốc là: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/3/2017 đến ngày

28/6/2019 là: 915.068.493 đồng, tổng cộng là: 4.915.068.493 đồng. Anh D tự nguyện không yêu cầu ông L trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Ông L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các thông báo, quyết định của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc ông L phải trả số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất 10%/năm tính đến ngày xét xử. Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh N.P.A.D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông P.T.L đăng ký hộ khẩu thường trú tại số …., C…, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, theo đúng địa chỉ của ông L trong Hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2016, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông P.T.L là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng vay tài sản: Ngày 08/12/2016, tại Văn phòng công chứng Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, anh N.P.A.D là bên cho vay (bên A) và ông P.T.L là bên vay (bên B) ký kết Hợp đồng vay tiền số công chứng 22522, Quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD, với nội dung: Anh D cho

ông L vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), phương thức giao nhận tiền do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay từ ngày 12/12/2016 đến ngày 15/3/2017, lãi suất cho vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện ngay sau khi ký hợp đồng và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên, khi giao nhận tiền hai bên lập biên nhận riêng. Ông L có nghĩa vụ trả khoản tiền đã vay đúng thời hạn, nếu đến hạn mà ông L không trả đủ số tiền đã vay và hai bên không có thỏa thuận khác, thì anh D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả toàn bộ số tiền vay, cùng với lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo quy định của pháp luật. Anh D cam kết số tiền cho vay là tài sản riêng hợp pháp của anh D. Ông L cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân, trường hợp không trả được nợ, thì sẽ dùng các tài sản thuộc sở hữu riêng của ông L để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán. Thực hiện hợp đồng, ngày 12/12/2016, anh D đã giao cho ông L đủ số tiền 4.000.000.000 đồng, ông L đã ký tên xác nhận tại mặt sau tờ thứ nhất của Hợp đồng vay tiền. Xét thấy, các bên tự nguyện xác lập hợp đồng vay tài sản, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với các quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Hợp đồng vay tài sản được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nay anh D khởi kiện yêu cầu ông L thực hiện các nghĩa vụ phát sinh theo hợp đồng, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Anh N.P.A.D yêu cầu ông P.T.L trả số nợ gốc là 4.000.000.000 đồng. Theo anh D, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng, nhưng không ghi thành văn bản; ông L đã trả tiền làm 3 đợt được 120.000.000 đồng, tương đương tiền lãi của tháng 1 và tháng 2 năm 2017, sau đó không trả thêm khoản nào nữa. Xét thấy, mức lãi suất 1,5%/tháng, tức 18%/năm, không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận số tiền 120.000.000 đồng ông L đã trả anh D là tiền lãi của tháng 1 và tháng 2 năm 2017. Tại Giấy xác nhận ngày 11/6/2017, Bản cam kết trả nợ ngày 11/6/2017, ông L xác nhận còn phải trả anh D số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và cam kết đến ngày 26/6/2017 sẽ trả 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán đủ vào 3 tháng tiếp theo chậm nhất là ngày 30/9/2017. Tuy nhiên, đến nay ông L không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc đã trả được một phần hoặc toàn bộ nợ gốc. Do đó, căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm

2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh D, buộc ông L phải trả số nợ gốc là 4.000.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 08/12/2016, về lãi suất cho vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Anh D xác nhận ông L đã trả tiền lãi của tháng 1 và tháng 2 năm 2017 theo lãi suất 18%/năm, hai bên đã thực hiện xong và không có tranh chấp. Tại Giấy xác nhận ngày 11/6/2017, ông L viết "được sự đồng ý của anh D, từ ngày 12/4/2017 anh D không lấy tiền lãi nữa". Tuy nhiên, Giấy xác nhận này không có chữ ký của anh D về việc đồng ý miễn tiền lãi và đến nay anh D vẫn yêu cầu ông L trả tiền lãi, nên không có căn cứ xác định các bên thỏa thuận sửa đổi hợp đồng vay tiền thành loại không có lãi. Nay anh D yêu cầu ông L trả tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 28/6/2019 theo lãi suất 10%/năm. Xét thấy, trong trường hợp này, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ. Căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh D, buộc ông L phải trả anh D tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 28/6/2019 là: 4.000.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 835 ngày = 915.068.493 đồng. Anh D tự nguyện không yêu cầu ông L trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, nên được Tòa án ghi nhận.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của anh N.P.A.D được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, anh D được trả lại 57.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông L phải chịu 112.915.068 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số nợ gốc và tiền lãi (4.915.068.493 đồng) phải trả.

[7] Về chi phí giám định, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào Điều 161, khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh N.P.A.D tự nguyện chịu chi phí giám định là 4.000.000 đồng, nên được ghi nhận và phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.300.000 đồng, xác nhận anh D đã nộp đủ chi phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 280; khoản 1, 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Xử**:

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.P.A.D về việc đòi ông P.T.L trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 22522, Quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết ngày 08/12/2016. Buộc ông P.T.L trả anh N.P.A.D tổng số tiền tính đến ngày 28/6/2019 là: 4.915.068.493 đồng (Bốn tỷ, chín trăm mười lăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng), gồm nợ gốc là: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 915.068.493 đồng (Chín trăm mười lăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng). Ghi nhận anh D tự nguyện không yêu cầu ông L trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

**2**. Về án phí:

2.1. Trả lại anh N.P.A.D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0004081 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2.2. Ông P.T.L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.915.068 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

**3**. Về chi phí giám định, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ghi nhận anh N.P.A.D tự nguyện chịu chi phí giám định là 4.000.000 đồng

(Bốn triệu đồng) và phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.300.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng), xác nhận anh D đã nộp đủ chi phí, lệ phí.

**4**. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6**. Về quyền kháng cáo: Anh N.P.A.D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P.T.L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Hữu Nam**